

M C L C

PH N M U

Ch ng I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích thu t ng

Ch ng II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NH ÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

Ch ng III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

Ch ng IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

i u 6. Ch ng nh n c phi u

i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác

i u 8. Chuy n nh ng c ph n

i u 9. Thu h i c ph n

Ch ng V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT

i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát

Ch ng VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

i u 11. Quy n c a c ông

i u 12. Ngh a v c a c ông

i u 13. i h i ng c ông

i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông

i u 15. Các i di n c y quy n

i u 16. Thay i các quy n

i u 17. Tri ut p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông

i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

i u 20. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông

i u 23. Yêu cầu quy định của Hội đồng

Chương VII. HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ

i u 24. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

i u 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

i u 26. Chức năng Hội đồng quản trị

i u 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỦ KÝ CÔNG TY

i u 28. Chức năng của giám đốc

i u 29. Cán bộ quản lý

i u 30. Nhiệm vụ, thẩm quyền, nhiệm vụ và quy định của Giám đốc (Tổng giám đốc) và Hội đồng

i u 31. Thủ ký Công ty

Chương IX. BAN KIỂM SOÁT

i u 32. Thành viên Ban kiểm soát

i u 33. Ban kiểm soát

Chương X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) HỘI HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

i u 34. Trách nhiệm của thành viên

i u 35. Trách nhiệm trung thành và tránh các xung đột lợi ích

i u 36. Trách nhiệm về thông tin và báo cáo

Chương XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỢP ĐỒNG CÔNG TY

i u 37. Quy định về sách và hợp đồng

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

i u 38. Công nhân viên và công đoàn

i u 39. Tổ chức công đoàn Việt Nam và Tổ chức chính trị xã hội khác

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

i u 40. Phân phối lợi nhuận

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NỢ TÀI CHÍNH VÀ HỒ TÍNH KẾ TOÁN

i u 41. Tài khoản ngân hàng

i u 42. Nợ tài chính

i u 43. Kế toán

Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG

TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điểm 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điểm 45. Báo cáo thường niên

Chương XVI. KẾ TOÁN CÔNG TY

Điểm 46. Kế toán

Chương XVII. CON ĐU

Điểm 47. Con đũa

Chương XVIII. CHẾ ĐỘ THO T R NG VÀ THANH LÝ

Điểm 48. Chế độ thốt r ng

Điểm 49. Gia hạn hốt r ng

Điểm 50. Thanh lý

Chương XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B

Điểm 51. Gi i quy t tranh ch p n i b

Chương XX. B SUNG VÀ S A I I U L

Điểm 52. B sung và s a i i u l

Chương XXI. NGÀY HI U L C

Điểm 53. Ngày hi u l c

PH N M U

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông Công ty C ph n u t và Xây d ng B u i n t ch c chính th c vào ngày ... tháng 06 n m 2013, thay th i u l T ch c và ho t ng c a Công ty tháng 4/2012.

Ch ng I: NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích m t s thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây s c hi u nh sau:

a. "V n i u l " là v n dot t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 c a i u l này.

b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005.

c. "Ngày thành l p" là ngày công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh) l n u;

d. "Cán b qu n lý" là T ng giám c, Phó T ng giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác c a Công ty c H i ng qu n tr phê chu n.

. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c có quan h tr c ti p ho c gián ti p n Công ty trong các tr ng h p c quy nh t i Kho n 17 i u 4 c a Lu t Doanh nghi p.

e. "Th i h n ho t ng" là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông Công ty thông qua b ng Ngh quy t.

g. "Vi t Nam" là n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.

f. "C ông l n" là c ông s h u tr c ti p ho c gián ti p t 5% tr lên s c ph n có quy n bi u quy t c a Công ty.

h. "Công ty con" là Doanh nghi p c l p thu c m t trong các tr ng h p sau:

- Là doanh nghi p mà t l s h u c a PTIC m t cách tr c ti p ho c gián ti p t 50% tr lên.

- Là doanh nghi p mà Công Ty có quy n ki m soát thông qua (i) quy n tr c ti p, gián ti p b nh i m a s ho c t t c thành viên H i ng qu n tr, Giám c ho c T ng Giám c c a doanh nghi p ó; (ii) quy n quy t nh s a i, b sung i u l c a doanh nghi p ó; và (iii) các quy n khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

l. "Công ty liên k t" là Là doanh nghi p mà t l s h u c a PTIC m t cách tr c ti p ho c gián ti p t 20% n đ i 50% ho c ch u s ràng bu c v quy n l i, ngh a v v i PTIC theo th a thu n trong h p ng liên k t gi a công ty v i PTIC.

m. Thành viên H i ng qu n tr c l p là thành viên H i ng qu n tr áp ng các i u ki n sau:

- Là thành viên H i ng qu n tr không i u hành và không ph i là ng i có liên quan

v i T ng giám c, Phó T ng giám c, K toán tr ng và nh ng cán b qu n lý khác c H i ng qu n tr b nh i m;

- Không ph i là thành viên H i ng qu n tr, T ng giám c, Phó T ng giám c c a các công ty con, công ty liên k t, công ty do công ty i chúng n m quy n ki m soát;

- Không ph i là c ông l n ho c ng i i di n c a c ông l n ho c ng i có liên quan c a c ông l n c a công ty;

- Không làm vi c t i các t ch c cung c p d ch v t v n pháp lu t, ki m toán cho công ty trong hai (02) n m g n nh t;

- Không ph i là i tác ho c ng i liên quan c a i tác có giá tr giao d ch hàng n m v i công ty chi m t ba m i ph n tr m (30%) tr lên t ng doanh thu ho c t ng giá tr hàng hoá, d ch v mua vào c a công ty trong hai (02) n m g n nh t.

2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.

3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n ti n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này;

4. Các t ho c thu t ng ã c nh ngh a trong Lu t Doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

Ch ng II: TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng

1. Tên Công ty

- Tên ti ng Vi t: **CÔNG TY C PH N UT VÀ XÂY D NG B U I N**

- Tên ti ng Anh: **POST AND TELECOMMUNICATION INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT-STOCK COMPANY.**

- Tên vi t t t: **PTIC**

2. Công ty là Công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

3. Tr s ng ký c a Công ty là:

a ch : Pháp Vân, Hoàng Li t, Hoàng Mai, Hà N i

i n tho i: 04. 38612360

Fax: 04.38611511

E-mail: xdbd@pticjsc.com

Website: www.ptic.vn

4. T ng Giám c là i di n theo pháp lu t c a Công ty.

5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n

tr và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trường khi chi m d t ho t ng tr c th i h n theo Khoản 2 i u 48 hoc gia h n ho t ng theo i u 49 i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

Chương III: M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty

1. Lĩnh v c kinh doanh c a Công ty:

a. Xây d ng các công trình chuyên ngành công nghi p và dân d ng:

- Xây d ng các công trình chuyên ngành b u chính, vi n thông và công ngh thông tin, i n, i n t , tin h c, thông gió, i u hoà và c p thoát n c;
- Xây d ng các công trình công nghi p và dân d ng bao g m c k thu t h t ng, và trang trí n i ngo i th t;
- Xây d ng n n móng công trình và k t c u h t ng: Sân, c u, ng, sân bay, b n c ng, ê i u, ng dây và tr m bi n th , c t an ten;

b. S n xu t v t li u xây d ng, v t li u khác liên quan ph c v cho ho t ng c a doanh nghi p:

- S n xu t v t li u xây d ng và các lo i v t li u liên quan khác ph c v ho t ng c a n v ;
- S n xu t các s n ph m t nh a dùng trong xây d ng, dùng trong các công trình B u i n và dân d ng;
- S n xu t v t li u, máy móc, thi t b ph c v ngành B u chính, vi n thông và công ngh thông tin, ngành i n và i u hoà, thông gió;

c. Kinh doanh trong các lĩnh v c:

- Kinh doanh v t li u, thi t b , máy móc xây d ng, i n t vi n thông và công ngh thông tin, trang thi t b n i th t, v t t hoá ch t ngành nh a và các m t hàng mà pháp lu t không c m;
- Kinh doanh xu t nh p kh u v t t , v t li u máy móc thi t b xây d ng, i n t , vi n thông và công ngh thông tin, ngành nh a, ngành in, trang trí n i, ngo i th t và các m t hàng khác.

d. u t và cung c p d ch v t v n thi t k công trình, d ch v lao ng:

- u t trong các lĩnh v c b u chính vi n thông và công ngh thông tin, công nghi p, c s h t ng khu công nghi p, ô th , u t kinh doanh b t ng s n;
- u t tài chính – kinh doanh ch ng khoán và các lĩnh v c u t khác phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

- T v n trong lĩnh v c: u th u u t xây d ng, kh o sát thi t k các công trình chuyên ngành b u chính vi n thông và các công trình dân d ng, công nghi p khác;

- Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động.

e. Sản xuất và kinh doanh các ngành nghề khác thu thuế mà pháp luật không cấm.

f. Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Công ty nhằm tối đa hóa các nguồn lợi nhuận có thể có của Công ty; bảo đảm lợi ích của các ông.

- Cởi trói giới hạn làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty.

- Đóng góp cho Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và *chưa hề thông qua*.

Chương IV: VỐN ĐẦU TƯ, CẤU TRÚC VÀ CÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn đầu tư, cấu trúc và công sáng lập

1. Vốn đầu tư của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **100.000.000.000 VND** (Một trăm triệu đồng chẵn).

Tổng số vốn đầu tư của Công ty được chia thành **10.000.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000 VND/cổ phần**.

Khi có sự thay đổi vốn đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội đồng thì Điều lệ này sẽ tự động điều chỉnh theo nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng.

2. Công ty có thể tăng vốn đầu tư khi được Đại hội đồng thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Ngày sử dụng phần phổ thông gọi là công phát hành.

4. Khi xét thấy cần thiết, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật. Ngày sử dụng phần ưu đãi gọi là công ưu đãi.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về công sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục I kèm. Phụ lục I là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phát hành đầu tiên chào bán cho các công nhân theo tỷ lệ

tung và vị trí của sản phẩm thông thường trong Công ty, trừ trường hợp
đặc biệt Công ty quy định khác. Công ty phải thông báo về chào bán
sản phẩm, trong thông báo phải nêu rõ số lượng chào bán và thời hạn ký mua tối
thiểu hai lần ngày làm việc Công ty có thể ký mua. Sản phẩm Công ty không
được ký mua hết số do Hội đồng Quản trị của Công ty quy định. Hội đồng Quản trị có
thể phân phối sản phẩm đó cho các khách hàng theo các điều kiện và cách thức mà Hội
đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán sản phẩm đó theo các điều kiện
thương mại khác so với những điều kiện đã chào bán cho các Công ty khác, trừ trường
hợp đặc biệt Công ty chấp thuận khác hoặc trong trường hợp sản phẩm được bán
qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán *theo phương thức ưu
giá*.

7. Công ty có thể mua sản phẩm do chính Công ty đã phát hành (kể cả sản phẩm đã
hoàn tất) theo những cách thức quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
Sản phẩm thông thường do Công ty mua lại là cổ phiếu ưu quyền và Hội đồng Quản trị có thể chào
bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán
và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Hội đồng Công
nhận thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Công ty của Công ty có thể chấp nhận chứng nhận cổ phiếu tung và
loại chứng nhận sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

2. Mọi chứng nhận cổ phiếu phát hành phải có đóng dấu Công ty và có chữ ký của
chủ tịch theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận
này nêu rõ số lượng và loại chứng nhận có liên quan, họ và tên người nhận (nếu là cổ
phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Mọi chứng nhận cổ
phiếu ghi danh chỉ có hiệu lực cho một loại chứng nhận.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển nhượng sản phẩm
hoặc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo phương án phát hành của công ty, người
chuyển nhượng sản phẩm có thể chấp nhận chứng nhận cổ phiếu. Người chuyển nhượng sản phẩm không phải
cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chuyển nhượng chứng nhận cổ phiếu ghi danh trong chứng nhận cổ
phiếu ghi danh, chứng nhận cổ phiếu chuyển nhượng và chứng nhận mới ghi nhận số chứng nhận còn lại
và số chứng nhận mới.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất, mất
mặt hoặc tiêu hủy, người chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh có thể yêu cầu chấp nhận
chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải trả ra bằng chứng về việc sản phẩm, các thủ
tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành và thanh toán mọi chi phí liên quan
cho Công ty. *Người chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh có giá trị, trừ trường hợp bị hủy bỏ hoặc
phải hủy bỏ, người chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh có thể yêu cầu chuyển nhượng sản phẩm
theo thông báo về việc chuyển nhượng và sau một thời gian, kể từ ngày thông báo
bỏ chứng nhận của Công ty chấp nhận chứng nhận cổ phiếu mới.*

6. Người chuyển nhượng chứng nhận cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ
quên chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chấp nhận

nh này b m t c p h o c b s d n g v i m c í c h l a o.

7. C n c các quy nh c a Lu t doanh nghi p và pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán, Công ty có th phát hành c ph n ghi danh không theo hình th c ch ng ch và cho phép các c ph n (b t k là c ph n có phát hành đ i d ng này hay không) c chuy n nh ng mà không nh t thi t ph i có v n b n chuy n nh ng; ho c tùy t ng th i i m H i ng Qu n tr có th ban hành các quy nh khác thay th cho các quy nh t ng ng trong i u l này v ch ng ch và chuy n nh ng c ph n.

i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác

Ch ng ch trái phi u ho c các ch ng ch ch ng khoán khác c a Công ty (tr các th chào bán, các ch ng ch t m th i và các tài li u t ng t), s c phát hành có d u và ch ký m u c a i di n theo pháp lu t c a Công ty, tr tr ng h p mà các i u kho n và i u ki n phát hành quy nh khác.

i u 8. Chuy n nh ng c ph n

1. T t c các c ph n u có th c t do chuy n nh ng tr khi i u l này và pháp lu t có quy nh khác. C phi u niêm y t trên S Giao d ch Ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán s c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

2. C ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng các quy n l i liên quan nh quy n nh n c t c, *quy n nh n c phi u phát hành t ng v n c ph n t ngu n v n ch s h u, quy n mua c phi u m i chào bán.*

i u 9. Thu h i c ph n

1. Tr ng h p c ông không thanh toán y và úng h n s t i n ph i tr mua c phi u, H i ng Qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty theo quy nh.

2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là (07) b y ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.

3. *H i ng qu n tr có quy n thu h i các c ph n ch a thanh toán y và úng h n trong tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c h i n.*

4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán. H i ng qu n tr có th tr c t i p h o c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.

5. C ông n m gi c ph n b thu h i ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l (không quá 15% m t n m) vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c h i n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i.

6. Thông báo thu hồi các giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Việc thu hồi văn bằng có hiệu lực kể trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc đăng ký thông báo.

Chương V: CẤU CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cấu trúc, quản trị và kiểm soát

Cấu trúc quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty gồm có:

1. Hội đồng Công đồng;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc điều hành.

Chương VI: CỐNG VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG ĐỒNG

Điều 11. Quy định về công đồng

1. Công đồng là nghị quyết của Công ty, có các quy định và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và nội quy của Công ty. Công đồng chịu trách nhiệm quản lý và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Nghị quyết pháp định có các quy định sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp hội đồng và thực hiện quy định quy tắc nội quy của hội đồng hoặc thông qua việc điều chỉnh quy định hoặc thực hiện phi vụ;

b. Nhận xét về việc điều hành Công đồng quy định;

c. Chuyển nhượng phần vốn thanh toán yêu cầu cho công đồng khác và cho người không phải là công đồng theo quy định của Điều này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tăng vốn từ các phần pháp định mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến công đồng trong danh sách công đồng để cách tham gia hội đồng Công đồng và yêu cầu sửa các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ của Công ty, Sổ Biên bản họp hội đồng Công đồng và các quy định của hội đồng Công đồng;

g. Trường hợp Công ty ghi thiếu hoặc sai sót trong danh sách tài sản còn lại tăng vốn từ các phần góp vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nhân và các công đồng nắm giữ phần vốn khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại phần vốn của họ trong các trường hợp quy định tại khoản

1. Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quy định khác theo quy định của Điều này và pháp luật.

3. Công hoc nhóm công nhân ghi trên 5% tổng số phần trăm thông trong thời hạn liên tục sáu tháng trở lên có các quy định sau:

a. Các công nhân viên Hội đồng Quản trị hoc Ban Kiểm soát theo quy định trong Điều khoản 2 Điều 24 và Điều 32 Điều này.

b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị trình Ủy ban Kiểm tra Công hoc trong các trường hợp quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp:

Yêu cầu phải lập thành văn bản, kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ và các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoc quy định vượt quá thẩm quyền.

c. Kiểm tra và nhận văn bản sao hoc bản trích dẫn danh sách các công hoc có quy định tham dự và biểu quyết Ủy ban Kiểm tra Công hoc.

d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra tổng văn bản thể liên quan quản lý, Điều hành hoc Tổng hoc Công ty khi xét thực tiễn thi hành. Yêu cầu phải ghi rõ họ tên, địa chỉ công trú, quốc tịch, số Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoc Chứng thực cá nhân hoc pháp khác nếu công hoc là cá nhân; tên, địa chỉ công trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoc số đăng ký kinh doanh nếu công hoc là tổ chức; số lượng phần trăm và thẩm định ký ức phần trăm công hoc, tổng số phần trăm nhóm công hoc và tổng số hoc trong tổng số phần trăm Công ty; văn bản kiểm tra, mức độ ích kiểm tra;

e. Các quy định khác quy định tại Điều này.

Điều 12. Nghĩa vụ của công hoc

1. Công hoc có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ Điều Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy định của Ủy ban Kiểm tra Công hoc, Hội đồng Quản trị.

b. Tham gia các cuộc họp Ủy ban Kiểm tra Công hoc và thực hiện quy định quy định trình tự hoc thông qua Ủy ban Kiểm tra quy định hoc thực hiện biểu quyết xa. Công hoc có thẩm quyền quy định cho thành viên Hội đồng Quản trị làm Ủy ban Kiểm tra cho mình tại Ủy ban Kiểm tra Công hoc.

c. Thanh toán tiền mua chứng khoán ký mua theo quy định.

d. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua chứng khoán.

e. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đăng ký hình thức thực hiện mua trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác tại hoc hoc phục vụ lợi ích cá nhân, cá nhân khác;

- Thanh toán các khoản nợ của nhân viên hoc quy định tài chính có thể xảy ra tại Công ty.

2. *T* *ch* *c*, cá nhân khi trở thành công nhân của Công ty, ngoài các nghĩa vụ nêu tại khoản 1 điều này, còn phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo Công ty, Ủy ban Công nhân và Sự Giao dịch Công nhân của Trung tâm Giao dịch Công nhân của Công ty về nhiệm vụ theo quy định của công bố thông tin.

điều 13. Nghĩa vụ Công nhân

1. Nghĩa vụ Công nhân là các quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Nghĩa vụ Công nhân thường niên bắt buộc mỗi năm một lần trong thời hạn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo nghĩa của *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r*, Công nhân ký Kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân thường niên và làm chủ nhiệm phù hợp. Nghĩa vụ Công nhân thường niên quy định như sau và theo quy định của pháp luật và điều này, bắt buộc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kỹ thuật viên kế toán tham gia điều tra và báo cáo thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* phải thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân bắt buộc trong các trường hợp sau:

a. *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* xét thực hiện vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo kiểm toán năm, các báo cáo 6 tháng hoặc quý hoặc báo cáo kỹ thuật của năm tài chính *ph* *n* *á* *n* *h* *v* *n* *ch* *s* *h* *u* *ã* *b* *m* *t* *m* *t* *n* *a* *(1/2)* *so* *v* *i* *s* *u* *k* ;

c. Khi sự thành viên của *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* ít hơn sự thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều này ;

d. Công nhân hoặc nhóm công nhân tại Khoản 3 điều 11 điều này yêu cầu thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân bắt buộc. Yêu cầu thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công nhân liên quan hoặc văn bản yêu cầu các kế toán thành viên, trong đó mô tả bản chất của việc ưu tiên và có liên quan;

e. Ban Kiểm soát yêu cầu thực hiện quyền ưu tiên của Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quy định của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều này công ty.

4. Thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân bắt buộc:

a. *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* phải thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân trong thời hạn (30) ba tháng kể từ ngày sự thành viên *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* còn lại quy định tại điều 3 khoản 3 điều này hoặc nếu yêu cầu quy định tại điều 3 điều này.

b. Trường hợp *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* không thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân theo quy định tại điều 4 điều này thì trong thời hạn (30) ba tháng kể từ ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế *H* *ệ* *q* *u* *n* *t* *r* thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân theo quy định của khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không thực hiện quyền ưu tiên của Nghĩa vụ Công nhân theo quy

nhất từ 1 tháng 4 năm nay thì trong thời hạn (30) ngày tiếp theo, công đồng, nhóm công đồng có yêu cầu quy nhất từ 1 tháng 3 năm nay có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trực tiếp và Hội đồng Công đồng theo quy định khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng trực tiếp và Hội đồng công đồng có quyền quyết định các vấn đề kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục trực tiếp, tiến hành họp và ra quyết định của Hội đồng công đồng. Tất cả chi phí cho việc trực tiếp và tiến hành họp Hội đồng công đồng của công ty hoàn toàn do công ty chịu. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công đồng chi tiêu khi tham dự Hội đồng công đồng, kể cả chi phí ăn và ở.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng Công đồng

1. Hội đồng Công đồng thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm kế toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Hội đồng Công đồng thường niên và bất thường thông qua quyết định về những vấn đề sau:
 - a. Thông qua các Báo cáo tài chính năm;
 - b. Quyết định thanh toán hàng năm cho mọi lợi ích phân phối và Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan đến lợi ích phân phối. Quyết định này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến các công đồng từ Hội đồng Công đồng;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kế toán;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sa thải Hội đồng Công ty;
 - h. Lợi ích phân phối và số lượng cổ phiếu mới phát hành vì lợi ích phân phối và việc chuyển nhượng cổ phiếu của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;
 - j. Tổ chức liquidation (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thành lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công đồng của Công ty;

l. Quy t nh u t các đ án, giao d ch bán tài s n c a Công ty ho c Chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong Báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;

n. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;

m. Vi c T ng Giám c ng th i làm Ch t ch H i ng Qu n tr ;

o. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i kho n l i u 120 c a Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;

p. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty.

3. Công không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:

a. Thông qua các h p ng quy nh t i Kho n 2 i u 14 khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;

b. Vi c mua l i c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n theo t l s h u c a t t c các c ông ho c vi c mua l i c th c hi n thông qua kh p l nh ho c chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.

4. T t c các ngh quy t và các v n ã c a vào ch ng trình h p phi c a ra th o lu n và bi u quy t t i i h i ng c ông.

i u 15. Các i di n c y quy n

1. Các c ông có quy n tham d i h i ng Công theo lu t pháp có th tr c ti p tham d ho c u quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n.

2. Vi c u quy n cho ng i i di n đ h p i h i ng c ông ph i l p thành v n b n theo m u c a Công ty và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:

a. Tr ng h p c ông cá nhân là ng i u quy n thì gi y y quy n ph i có ch ký c a c ông ó và ng i c u quy n đ h p;

b. Tr ng h p ng i i di n theo u quy n c a c ông là t ch c là ng i u quy n thì gi y y quy n ph i có ch ký c a ng i i di n theo u quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c u quy n đ h p;

c. Trong tr ng h p khác thì gi y u quy n ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c u quy n đ h p.

Ng i c u quy n đ h p i h i ng c ông ph i n p v n b n u quy n tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i u quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i gi y u quy n cho lu t s ho c b n sao h p l c a gi y u quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 điều 15, phiếu biểu quyết của người quy định hợp pháp trong phạm vi của quy định này có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a. Người quy định chấp thuận hành vi dân sự hoặc bất động sản hành vi dân sự;

b. Người quy định huỷ bỏ việc chuyển nhượng;

c. Người quy định huỷ bỏ thẩm quyền của người thẩm định viên của quy định.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sắc lệnh trên *trực tiếp khai mạc cuộc họp* để tiến hành công việc trực tiếp cuộc họp trực tiếp.

Điều 16. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quy định của bộ luật liên quan tới việc phân bổ vốn có hiệu lực khi các công nhân giảm ít nhất 65% của phần tham gia thông qua nghị quyết của công nhân giảm ít nhất 75% quy định biểu quyết của người nói trên biểu quyết thông qua.

Việc thực hiện các công nhân giảm tới việc phân bổ vốn thông qua việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) công nhân (hoặc ít nhất một người quy định của họ) và năm giảm tới thiểu một phần ba (1/3) giá trị danh sách các phần lợi ích đã phát hành. Trường hợp không có sự biểu quyết nêu trên thì cuộc họp của tổ chức lợi ích trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người giảm của phần thu lợi ích (không phải thu vào số lợi ích và số phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện của quy định của coi là số lợi ích biểu quyết yêu cầu. Tất cả các cuộc họp của công nhân giảm của phần vốn nêu trên, những người giảm của phần thu lợi ích có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu biểu quyết kín. Mọi phần cùng lợi ích có quy định biểu quyết ngang bằng nhau thì các cuộc họp nêu trên.

2. Thực hiện hành động các cuộc họp riêng biệt như vậy để thể hiện tình trạng về các quy định tại điều 18 và điều 20 của luật.

3. Trường hợp các điều khoản phát hành của phần quy định khác, các quy định của bộ luật liên quan tới các lợi ích phần vốn có quy định của người đại diện liên quan đến việc phân bổ lợi ích như nhu cầu tài sản của Công ty không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các phần cùng lợi ích.

Điều 17. Trình tự tiến hành Công đồng, chương trình họp, và thông báo họp tiến hành Công đồng

1. Hội đồng Quản trị trình bày tiến hành Công đồng, hoặc tiến hành Công đồng trực tiếp theo các trường hợp quy định tại mục b hoặc mục c khoản 4 điều 13 của luật.

2. Người trình bày tiến hành Công đồng phải thể hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các công nhân liên quan và biểu quyết tiến hành tiến hành Công đồng; (30) ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành tiến hành Công đồng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định

c a Công ty;

b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i ;

c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng C ông cho t t c các c ông có quy n d h p.

3. Thông báo h p i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S giao d ch ch ng khoán, trên trang thông tin i n t (website) c a công ty, 01 t báo Trung ng. Thông báo h p i h i ng c ông ph i c g i ít nh t m i l m (15) ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Ch ng trình h p i h i ng c ông, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c g i cho các c ông ho c/và ng trên trang thông tin i n t c a Công ty. Trong tr ng h p tài li u không c g i kèm thông báo h p i h i ng c ông, thông báo m i h p ph i nêu rõ a ch trang thông tin i n t các c ông có th t i p c n.

4. C ông ho c nhóm c ông c c p t i kho n 3 i u 11 c a i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng C ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t (03) ba ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng C ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng C ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n kho n 4 i u này trong các tr ng h p sau:

a. xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không m b o i u ki n s h u trên 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu tháng theo quy nh t i Kho n 3 i u 11 i u l này;

c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng C ông bàn b c và thông qua.

d. V n xu t không phù h p ho c ph m vào i u c m c a pháp lu t.

6. H i ng Qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

7. Tr ng h p t t c c ông i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c t i p tham d ho c thông qua i di n c u quy n t i i h i ng C ông, nh ng quy t nh c i h i ng C ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng C ông không theo úng trình t và th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng C ông

1. i h i ng C ông c t i n hành khi có s c ông d h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t, sau (60) sáu m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i , ng i tri u t p h p có th quy t nh h y c u c h p.

ihing công phic triut pli trong vòng (30)ba m i ngày k t ngày đ nh t ch c i h i ng C ông l n th nh t. i h i ng C ông tri ut pli ch c ti n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i di n c u quy n đ h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.

3. *Tr ng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t sau (60)sáu m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i.* i h i ng C ông l n th ba có th c tri ut p trong vòng (20)hai m i ngày k t ngày đ nh tí n hành i h i l n hai, và trong tr ng h p này i h i c ti n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n đ ki n c phê chu n t i i h i ng C ông l n th nh t.

i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng C ông

1. Vào ngày t ch c i h i ng C ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t.

2. Khi ti n hành ng ký c ng, công ty c p cho c ông ho c i di n c y quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ghi mã s C , s c ph n bi u quy t c a c ông. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i, b phi u tr ng ho c không h p l t ng v n c Ch to thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó. i h i b u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch to . S thành viên c a ban ki m phi u do i h i ng c ông quy t nh c n c ngh c a Ch to nh ng không v t quá (03) ba ng i.

3. C ông n đ i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t t i i h i. Ch to không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành tr c khi c ông n mu n tham d không b nh h ng.

4. *Ch t ch H i ng qu n tr làm ch to các cu c h p do H i ng qu n tr tri ut p. Tr ng h p Ch t ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s h làm ch to cu c h p. Tr ng h p không có ng i có th làm ch to , thành viên H i ng qu n tr có ch c v cao nh t i u khi n i h i ng c ông b u ch to cu c h p trong s nh ng ng i đ h p và ng i có phi u b u cao nh t làm ch to cu c h p.*

Trong các tr ng h p khác, ng i ký tên tri ut p h p i h i ng c ông i u khi n i h i ng c ông b u ch to cu c h p và ng i có phi u b u cao nh t c c làm ch to cu c h p. Ch t a i h i c Th ký l p Biên b n i h i.

5. Ch to là ng i có quy n quy t nh v trình t , th t c và các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông.

6. Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông ã có s l ng i bi u đ h p c n thi t.

7. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th ti n hành các ho t ng c n thi t

i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l và có tr t t ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s i bi u tham d .

8. H i ng qu n tr có th yêu c u các c ông ho c i di n c u quy n tham d i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ông ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nêu trên, H i ng qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nêu trên tham gia i h i.

9. H i ng qu n tr , sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th t i n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :

- a. B trí ch ng i t i a i m h p i h i ng c ông;
- b. B o m an toàn cho m i ng i có m t t i các a i m h p;
- c. T o i u ki n cho c ông tham d (ho c t i p t c tham d) i h i.

H i ng qu n tr có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp n u H i ng qu n tr th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

10. Trong tr ng h p t i i h i ng c ông có áp d ng các bi n pháp nêu trên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

- a. Thông báo i h i c t i n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch to i h i có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);
- b. B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c u quy n không đ h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i;

Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi t i t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

11. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ông c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

Hàng n m Công ty t ch c i h i ng c ông ít nh t m t (01) l n. i h i ng c ông th ng niên không c t ch c đ i hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

i u 20. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

1. Tr tr ng h p quy nh t i Kho n 2 i u này, các quy t nh c a i h i ng c ông ph i c thông qua b i a s C ông i di n ít nh t sáu m i l m (65)% t ng s phi u bi u quy t c a t t c các C ông có quy n bi u quy t có m t tr c t i p ho c thông qua i di n c U quy n đ h p có m t t i i h i ng c ông.

2. Các quy t nh c a i h i ng c ông liên quan n vi c s a i và b sung i u l ; lo i c phi u và s l ng c phi u c chào bán; vi c t ch c l i hay gi i th Công ty; giao d ch mua, bán tài s n Công ty ho c các chi nhánh th c hi n có giá tr t n m m i (50%) tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty tính theo Báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán c thông qua khi có t 75% tr lên t ng s phi u b u các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c t i p ho c thông qua i di n c u quy n có m t t i i h i ng c ông.

3. Vì c bị u quy t b u thành viên H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát phi i c th c hi n theo ph ng th c b u d n phi u, theo ó m i C ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát và C ông có quy n d n h t t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên.

Ng i trúng c thành viên H i ng qu n tr ho c thành viên Ban ki m soát c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t ut ng c viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên quy nh t i i ul công ty.

Tr ng h p có t hai (02) ng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên cu i cùng c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát thì s ti n hành b u l i trong s các ng c viên có s phi u b u ngang nhau ho c l a ch n theo tiêu chí trong quy ch b u c ho c i ul Công Ty.

Tr ng h p không có s thành viên H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát thì i h i s ti n hành b u l i cho n khi s l ng.

ì u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông c th c hi n theo quy nh sau ây:

1. H i ng qu n tr có quy n l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông b t c lúc nào n u xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty.

2. H i ng qu n tr phi chu n b phi u l y ý ki n, d th o quy t nh c a i h i ng c ông và các tài li u gi i trình d th o quy t nh. Phi u l y ý ki n kèm theo d th o quy t nh và tài li u gi i trình phi c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch ng ký c a t ng c ông. H i ng qu n tr phi m b o g i, công b tài li u cho các c ông tr c t i thi u 15 ngày tr c ngày h t h n nh n phi u l y ý ki n.

3. Phi u l y ý ki n phi có các n i dung ch y u sau ây:

a. Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký kinh doanh c a Công ty;

b. M c ích l y ý ki n;

c. H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông ho c i di n theo u quy n c a c ông là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ông;

d. V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

. Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n l y ý ki n;

e. Th i h n phi g i v Công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i;

g. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i c Ch t ch H i ng qu n tr y quy n.

4. Phi u l y ý ki n ã c tr l i phi có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i

đi n theo u quy n ho c ng i i đi n theo pháp lu t c a c ông là t ch c. Tr ng h p y quy n ph i có gi y y quy n kèm theo.

Phi u l y ý ki n g i v Công ty ph i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u. Các phi u l y ý ki n Công ty nh n c sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m u không h p l .

5. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u đ i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý Công ty. Biên b n ki m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a. Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký kinh doanh;

b. M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

c. S c ông v i t ng s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l , kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t;

d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

e. Các quy t nh ã c thông qua;

g. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i đi n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i t (24) gi và g i n các c ông trong vòng m i l m (15) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n ph i c s c ông i đi n ít nh t 75% t ng s c ph n có quy n bi u quy t ch p thu n và có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông

Ng i ch trì i h i ng c ông ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ông. Biên b n i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i b n (24) gi và g i cho t t c các c ông trong th i h n m i l m (15) ngày k t ngày i h i ng c ông k t thúc. Biên b n i h i ng c ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c ti n hành t i i h i ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i (10) ngày k t khi g i biên b n. Biên b n ph i c l p b ng ti ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký và c l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ông đ h p và v n b n u quy n tham đ ph i c l u gi t i tr s chính c a Công

ty.

Đ i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ô ng

Trong th i h n chín m i (90) ngày, k t ngày nh n c biên b nh p i h i ng c ô ng ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ô ng, c ô ng, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng c ô ng trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ô ng không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty.

2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l Công ty.

Tr ng h p quy t nh c a i h i ng c ô ng b hu b theo quy t nh c a Toà án ho c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ô ng b hu b có th xem xét t ch c l i h i ng c ô ng trong vòng (30) ba m i ngày theo trình t , th t c quy nh t i Lu t Doanh nghi p và i u l này.

Ch ng VII. H I NG QU N TR

Đ i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . *T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr . S l ng t i thi u thành viên H i ng qu n tr c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng.*

Thành viên H i ng qu n tr không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr c a trên n m (05) công ty khác, tr tr ng h p là thành viên H i ng qu n tr c a các công ty trong cùng t p oàn ho c các công ty ho t ng theo nhóm công ty, bao g m công ty m - công ty con, t p oàn kinh t ho c là i di n c a công ty qu n lý qu , công ty u t ch ng khoán.

2. Các c ô ng n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c at ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ô ng ho c nhóm c ô ng n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 50% c c t i a ba (03) ng viên; t 50% n d i 65% c c t i a b n (04) ng viên; và t 65% tr lên c c s ng viên.

3. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ô ng thông qua tr c khi

ti n hành c .

4. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:

a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;

b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;

c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;

d. Thành viên ó không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng sáu (06) tháng mà không có s ch p thu n c a H i ng qu n tr và H i ng qu n tr quy t nh ch c v c a ng i này b b tr ng;

. Thành viên ó b bãi nhi m theo quy t nh c a i h i ng c ông.

5. H i ng qu n tr có th b nhi m ng i khác t m th i làm thành viên H i ng qu n tr thay th ch tr ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay t p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c b nhi m thành viên m i ó c coi là có hi u l c vào ngày c H i ng qu n tr b nhi m. *Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr m i c tính t ngày vi c b nhi m có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k c a H i ng qu n tr . Trong tr ng h p thành viên m i không c i h i ng c ông ch p thu n, m i quy t nh c a H i ng qu n tr cho n tr c th i i m đi n ra i h i ng c ông có s tham gia bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr thay th v n c coi là có hi u l c.*

6. Vi c b nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

7. Thành viên H i ng qu n tr không nh t thi t ph i là ng i n m gi c ph n c a Công Ty.

i u 25. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr

1. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s giám sát và ch o c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng th m quy n thu c v i h i ng c ông.

2. H i ng qu n tr có trách nhi m giám sát T ng Giám c i u hành và các cán b qu n lý khác.

3. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp và i u l Công ty và quy t nh c a i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và nhi m v sau:

a. Quy t nh k ho ch phát tri n s n xu t kinh doanh và ngân sách hàng n m;

b. Xác nh các m c tiêu ho t ng trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ng c ông thông qua;

c. Quy t nh c c u t ch c c a Công ty;

d. Gi i quy t các khi u n i c a Công ty i v i cán b qu n lý c ng nh quy t nh l a ch n i đi n c a Công ty gi i quy t các v n liên quan t i các th t c pháp lý i v i

cán bộ quản lý có;

. Xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tăng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

e. Xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chương quy định cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá nhất định;

g. Quy định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chương khoản chuyển đổi trong trường hợp cần thiết theo quy định;

f. *Ban chấp hành, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Ban chấp hành, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị khác của Công ty theo quy định của pháp luật và lệ ích khác của Công ty. Các chi nhánh, Văn phòng đại diện, văn phòng thu của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị khác. Việc ban chấp hành nêu trên không trái với các quy định theo pháp luật của nhà nước Việt Nam (nếu có);*

h. Báo cáo tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị ban chấp hành Giám đốc và Hội đồng quản trị;

i. Xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tối đa; thực hiện việc chi trả cổ tức;

k. Xuất việc thực hiện lịch họp của Công ty.

4. Nhiệm vụ sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:

a. Thành lập, chấm dứt hoạt động của Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, giải thể Công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 điều 108 Luật Doanh nghiệp và trường hợp quy định tại Khoản 3 điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng quản trị phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy theo thẩm quyền quy định về thẩm quyền, số tài sản và thu nhập các hợp đồng kinh tế của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chọn và bãi nhiệm nhà quản lý của Công ty ưu tiên là đại diện thành viên và Luật sư của Công ty;

. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thanh toán, bảo lãnh và bảo hiểm của Công ty;

e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vốn quá 20 triệu Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp từ các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quỹ đầu tư, quỹ đầu tư nhân lực, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mệnh giá;

k. Quy định mệnh giá mua hoặc thu hồi của Công ty;

1. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo với Hội đồng công ty hoặc thành viên, cá nhân là vị trí giám sát của Hội đồng quản trị và vị trí Tổng giám đốc điều hành và nhân viên quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng công ty, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chức vụ của Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trường hợp luật pháp và nội quy khác, Hội đồng quản trị có thể quy định cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đi xin lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đi nghỉ công tác) có nghĩa vụ làm việc cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Hội đồng công ty quy định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quy định mua cổ phiếu và các lợi ích khác của Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đi nghỉ công tác góp phần vào công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không được vì điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tổ chức ban của Hội đồng quản trị hoặc các chi nhánh công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm tiền thù lao dựa trên mức độ công việc gắn theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng công ty, Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chức vụ Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch. Trường hợp Hội đồng công ty quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm từ Hội đồng công ty thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Hội đồng công ty và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy định tại nội quy này và Luật Doanh nghiệp;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kế toán và báo cáo kế toán của Hội đồng quản trị cho các công ty con và Hội đồng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị cho các bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải báo cáo thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp công khai để tiến hành nhiệm vụ Chủ tịch và ra các quyết định khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc buổi Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhu cầu (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là 01 quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không cần trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện sau đây xảy ra:

- a. Tổng Giám đốc yêu cầu ít nhất 05 cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải tiến hành trong thời hạn 15 ngày sau khi có yêu cầu. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp thuận triệu tập họp theo yêu cầu thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra vì Công ty; nhưng người nghị quyết cuộc họp của Công ty Khoản 3 Điều 27 có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên công lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị tiến hành công khai và ký của Công ty hoặc người khác. Vì tính bảo mật của Công ty ngoài quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải gửi trực tiếp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và việc chỉ này có thể có hiệu lực. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải làm bằng văn bản gửi Ủy ban và phải thông báo về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề bàn bạc và báo cáo quyết định của Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể họp.

Thông báo miệng bằng văn bản, fax, điện thoại công khai khác, nhưng phải báo cáo địa chỉ của thành viên Hội đồng quản trị công khai tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông

qua ng i i đi n (ng i c u quy n).

Tr ñg h p không s thành viên d h p theo quy ñh, cu c h p phi c tri u t p l i trong th i h n m i l m (15) ngày k t ngày d ñh h p l n th ñh t. Cu c h p tri u t p l i c ti n hành n u có h n m t n a (1/2) s thành viên H i ñg qu n tr d h p.

9. Bi u quy t.

a. Tr quy ñh t i i m b Kho n 9 i u 27, m i thành viên H i ñg qu n tr ho c ng i c u quy n tr c ti p có m t v i t cách cá nhân t i cu c h p H i ñg qu n tr có m t (01) phi u bi u quy t;

b. Thành viên H i ñg qu n tr không c bi u quy t v các h p ñg, các giao d ch ho c xu t mà thành viên ó ho c ng i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n ho c có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty. Thành viên H i ñg qu n tr không c tính vào s l ng i bi u t i thi u c n thi t có m t có th t ch c cu c h p H i ñg qu n tr v ñh ng quy t ñh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;

c. Theo quy ñh t i i m d Kho n 9 i u 27, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ñg qu n tr liên quan n l i ích c a thành viên H i ñg qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t m t thành viên mà ñh ng v n ó không c gi i quy t b ñg v i c t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ñg qu n tr có liên quan, ñh ng v n phát sinh ó c chuy n t i cho ch to cu c h p quy t ñh. Phán quy t c a ch to liên quan n v n này có giá tr là quy t ñh cu i cùng tr ñh ng h p tính ch t ho c ph m v i l i ích c a thành viên H i ñg qu n tr liên quan ch a c công b y ;

d. Thành viên H i ñg qu n tr h ñg l i t m t h p ñg c quy ñh t i i m a và i m b Kho n 4 i u 35 i u l này c coi là có l i ích áng k trong h p ñg ó.

10. Thành viên H i ñg qu n tr tr c ti p ho c gián ti p c h ñg l i t m t h p ñg ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang d ki n ký k t v i Công ty và bi t b n thân là ng i có l i ích trong ó có trách nhi m công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ñg qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ñg ho c giao d ch này. Tr ñg h p m t thành viên H i ñg qu n tr không bi t b n thân và ng i liên quan có l i ích vào th i i m h p ñg, giao d ch c ký v i Công ty, thành viên H i ñg qu n tr này ph i công khai các l i ích liên quan t i cu c h p u tiên c a H i ñg qu n tr c t ch c sau khi thành viên này bi t r ñg mình có l i ích ho c s có l i ích trong giao d ch ho c h p ñg liên quan.

11. H i ñg qu n tr thông qua các quy t ñh và ra ñh quy t trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ñg qu n tr có m t (trên 50%). Tr ñg h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ñg nhau, phi u bi u quy t c a Ch t ch H i ñg qu n tr là phi u quy t ñh.

12. Cu c h p c a H i ñg qu n tr có th t ch c theo hình th c ñh s gi a các thành viên c a H i ñg qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang ñh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

a. Nghe t ñg thành viên H i ñg qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;

b. Phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ñg th i.

Vì c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c ti p qua i n tho i ho c b ng ph ng ti n liên l c thông tin khác (k c vi c s d ng ph ng ti n này đi n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n đi n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và ti n hành m t cách h p th c có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t. Ngh quy t này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l .

14. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và biên b n ó là b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t khi chuy n i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và ph i có ch ký c a t t c các thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p ho c *Biên b n c l p thành nhi u b n và m i biên b n có ch ký c a ít nh t m t (01) thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p.*

15. H i ng qu n tr có th thành l p và u quy n cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ng ng i không ph i là thành viên H i ng qu n tr vào các ti u ban nêu trên và cho phép ng i ó c quy n bi u quy t v i t cách thành viên c a ti u ban nh ng (a) ph i m b o s l ng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ng s thành viên c a ti u ban và (b) ngh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i phiên h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .

16. Vì c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr c coi là có giá tr pháp lý k c trong trong tr ng h p vi c b u, ch nh thành viên c a ti u ban ho c H i ng qu n tr có th có sai sót.

Ch ng VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 28. T ch c b máy qu n lý

H th ng qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và tr c thu c s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t (01) T ng giám c i u hành, các Phó t ng giám c i u hành và m t K toán tr ng và các

chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải có thể hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo nghị quyết của Tổng giám đốc điều hành và các sở chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty có tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, vị trí công việc và chế độ phù hợp với chức vụ và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất tu theo thẩm định. Cán bộ quản lý phải có phẩm chất cần thiết các hoạt động và thực hiện của Công ty theo các mục tiêu đề ra.

2. Mục tiêu, tiến độ lao động, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhậm chức và quy định của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mục tiêu, tiến độ, lợi ích và các điều kiện khác liên quan khác. Thông tin về mục tiêu, trách nhiệm, quyền lực của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo định kỳ cho Hội đồng quản trị hàng năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm vụ của Tổng Giám đốc điều hành là *ba (03) năm*, trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực của nó vào các quy định của hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng Giám đốc điều hành có những quy định và trách nhiệm sau:

a. Thể hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và chỉ đạo công việc, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty để các Hội đồng quản trị và chỉ đạo công việc thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, thực hiện và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý thông thường;

c. Kiểm soát công việc và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thể hiện các hoạt động quản lý theo xu hướng của Hội đồng quản trị, và từ việc Hội đồng quản trị quyết định mục tiêu, tiến độ, lợi ích và các điều kiện khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quyết định số lượng người lao động, mục tiêu, trách nhiệm, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều kiện khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Trước ngày [31 tháng 12] hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

e. Xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;

g. Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao g m c b ng cân i k toán, báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh và báo cáo l u chuy n ti n t đ ki n) cho t ng n m tài chính ph i c trình H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty;

h. Th c hi n t t c các ho t ng khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ngh quy t c a H i ng qu n tr, h p ng lao ng c a T ng Giám c i u hành và pháp lu t.

4. T ng Giám c i u hành ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và i h i ng c ông v vì c th c hi n nhi m v và quy n h n c giao và ph i báo cáo các c quan này khi c yêu c u.

5. H i ng qu n tr có th bãi nhi m T ng Giám c i u hành khi a s (t 2/3) thành viên H i ng qu n tr đ h p có quy n bi u quy t tán thành (trong tr ng h p này không tính bi u quy t c a T ng Giám c i u hành n u là thành viên H i ng qu n tr) và b nhi m m t T ng giám c i u hành m i thay th .

i u 31. Th ký Công ty

H i ng qu n tr ch nh m t (01) ho c nhi u ng i làm Th ký Công ty v i nhi m k và nh ng i u kho n theo quy t nh c a H i ng qu n tr. H i ng qu n tr có th bãi nhi m Th ký Công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. H i ng qu n tr c ng có th b nhi m m t hay nhi u Tr lý Th ký Công ty tu t ng th i i m. Vai trò và nhi m v c a Th ký Công ty bao g m:

1. Chu n b các cu c h p c a H i ng qu n tr, Ban ki m soát và i h i ng c ông theo yêu c u c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát.

2. T v n v th t c c a các cu c h p.

3. Tham d các cu c h p.

4. m b o các ngh quy t c a H i ng qu n tr phù h p v i lu t pháp.

5. Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ng qu n tr và các thông tin khác cho thành viên c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát.

Th ký công ty có trách nhi m b o m t thông tin theo các quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty.

Ch ng IX. BAN KI M SOÁT

i u 32. Thành viên Ban ki m soát

1. S l ng thành viên Ban ki m soát c a Công ty là ba (03) n n m (05) thành viên. Các thành viên Ban ki m soát không ph i là ng i trong b ph n k toán, tài chính c a Công ty và không ph i là thành viên hay nhân viên c a công ty ki m toán c l p ang th c hi n v i c ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty. Ban ki m soát ph i có ít nh t m t

(01) thành viên có chuyên môn về kế toán học kế toán.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán học tài chính. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệt quyết công việc Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình Hội đồng.

2. Các công nhân mới cấp nhân có quy định quy tắc trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định quy định quy tắc tại ngân hàng liên nhau của các thành viên Ban kiểm soát. Công nhân nhóm công nhân mới 5% dưới 10% tổng số cấp nhân có quy định quy tắc cấp nhân (01) thành viên; 10% dưới 30% cấp nhân từ hai (02) thành viên; 30% dưới 50% cấp nhân từ ba (03) thành viên; 50% dưới 65% cấp nhân từ bốn (04) thành viên; và từ 65% trở lên cấp nhân từ năm (05) thành viên.

3. Trưởng ban phải lập các thành viên Ban kiểm soát thông qua các và ngân sách và không sử dụng nhân sự, Ban kiểm soát ngân sách có thể thêm ngân sách hoặc cắt giảm theo các công ty quy định tại Quy định nội bộ quản trị công ty. Các Ban kiểm soát ngân sách các thành viên Ban kiểm soát phải công bố rõ ràng và phải chỉ định Hội đồng thông qua trước khi tiến hành.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bố, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bị loại nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên có pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên có trách nhiệm vụ công việc thông báo công việc chính của Công ty;

c. Thành viên có bệnh tật tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bệnh chuyên môn chuyên ngành đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không có sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định ngừng công việc của người này bắt buộc;

e. Thành viên có cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Hội đồng.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều này, chủ yếu là những quy định hạn chế và trách nhiệm sau đây:

a. Xu t l a ch n công ty ki m toán c l p, m c phí ki m toán và m i v n có liên quan;

b. Th o lu n v i ki m toán viên c l p v tính ch t và ph m vi ki m toán tr c khi b t u vi c ki m toán;

c. Xin ý ki n t v n chuyên nghi p c l p ho c t v n v pháp lý và m b o s tham gia c a nh ng chuyên gia bên ngoài công ty v i kinh nghi m trình chuyên môn phù h p vào công vi c c a công ty n u th y c n thi t;

d. Ki m tra các báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý;

. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;

e. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty;

g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n;

h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.

2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .

3. Ban Ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban Ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban Ki m soát. Ban Ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n m t n m và s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai (02) ng i.

4. M c thù lao c a các thành viên Ban ki m soát do i h i ng c ông quy t nh. Thành viên c a Ban ki m soát c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c th c thi các ho t ng khác c a Ban ki m soát.

Ch ng X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC

i u 34. Trách nhi m c n tr ng

Thành viên H i ng qu n tr , *thành viên Ban ki m soát*, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các ti u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng ph i có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các ban quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; những thì không được sử dụng những thông tin có thể ảnh hưởng đến giá trị cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân của cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các ban quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các ban quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Hội đồng chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các ban quản lý khác hoặc những người liên quan đến công ty, bất kỳ, hình thức, hoặc bất kỳ mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các ban quản lý khác hoặc những người liên quan đến là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a. Giá trị hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những người quản trị hợp đồng hoặc giao dịch các mối quan hệ và lợi ích của các ban quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc từ ban liên quan. Những thì, Hội đồng quản trị hoặc từ ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng sự phi vụ tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Giá trị hợp đồng có giá trị không vượt quá 20% của tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những người quản trị hợp đồng hoặc giao dịch này các mối quan hệ và lợi ích của các ban quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định quy định rõ ràng, và những công đồng đã phi vụ tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn chấp thuận là công bằng và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan đến các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc một từ ban trực tiếp của Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các ban quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được công bố của công ty hoặc từ lợi ích cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành và biện pháp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các ban quản lý khác vì phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự miễn cưỡng và những lý do chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bị thế chấp cho nhà ngân hàng, ngân hàng có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty quy định hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chú ý lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định rằng người đó đã vi phạm nghĩa vụ trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty của Công ty bị thế chấp khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bị thế chấp bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc coi là mức hợp lý khi ghi quy định về việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho nhà ngân hàng để tránh nghĩa vụ trách nhiệm bị thế chấp nêu trên.

Chương XI. QUY ĐỊNH ULTRAS SÁCH VÀ H S CÔNG TY

Điều 37. Quy định ultras sách và h s

1. Công nhân nhóm công nhân 2 điều 24 và Khoản 2 điều 32 điều này có quy định tiếp theo qua người của quy định, ghi văn bản yêu cầu kiểm tra danh sách công nhân, các biên bản họp hội đồng và sao chép hoặc trích lục các hồ sơ có trong giấy làm việc và tài liệu chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do người đi làm của quy định của công nhân phải kèm theo giấy yêu cầu của công nhân mà người đi làm hoặc một bên sao công nhân của giấy quy định này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quy định kiểm tra sổ đăng ký công nhân của Công ty, danh sách công nhân và hồ sơ sách và h s khác của Công ty vì những mối liên quan tích cực của mình với điều kiện các thông tin này phải công bố.

3. Công ty phải lưu trữ và những bản sao bổ sung điều 1, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định sử dụng tài sản, nghị quyết hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài liệu chính hoặc một tài liệu khác với điều kiện là các công nhân và quan hệ kinh doanh công bố và miễn trừ các giấy tờ này.

4. i u l Công ty ph i c công b trên website c a công ty.

Ch ng XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG OÀN VÀ CÁC T CH C CHÍNH TR - XÃ H I

i u 38. Công nhân viên và công oàn

1. T ng giám c i u hành ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n vi c tuy n d ng, cho ng i lao ng thôi vi c, l ng , b o h i m x h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i ng i lao ng và cán b qu n lý.

2. T ng giám c i u hành ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n quan h c a Công ty v i các t ch c công oàn theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

i u 39. T ch c ng c ng s n Vi t Nam và các T ch c Chính tr - xã h i khác

1. Công ty có t ch c ng C ng s n Vi t Nam, t ch c oàn Thanh niên C ng s n H Chí Minh, Công oàn, H i c u chi n binh ho t ng theo H i n pháp và pháp lu t.

2. Công ty tôn tr ng, t o i u ki n thu n l i các t ch c trên ho t ng theo úng ch c n ng, nhi m v c a mình, úng pháp lu t, phù h p v i m c tiêu kinh doanh c a Công ty, quy n l i c a ng i lao ng, l i ích c a c ông.

Ch ng XIII. PHÂN PH I L I NHU N

i u 40. Phân ph i l i nhu n

1. i h i ng c ông quy t nh vi c phân ph i l i nhu n, trích l p các qu ; m c chi tr c t c và hình th c chi tr c t c hàng n m t l i nhu n c gi l i c a Công ty.

2. Theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr có th quy t nh t m ng c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho kho n t i n tr c t c hay kho n t i n chi tr liên quan t i m t l o i c phi u.

4. H i ng qu n tr có th ngh i h i ng c ông thông qua vi c thanh toán toàn b ho c m t ph n c t c b ng c phi u và H i ng qu n tr là c quan th c thi quy t nh này.

5. Tr ng h p c t c hay nh ng kho n t i n khác liên quan t i m t l o i c phi u c chi tr b ng t i n m t, Công ty ph i chi tr b ng t i n ng Vi t Nam. Vi c chi tr có th th c hi n tr c t i p ho c thông qua các ngân hàng trên c s các thông tin chi t i t v ngân hàng do c ông cung c p. Tr ng h p Công ty ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi t i t v ngân hàng do c ông cung c p mà c ông ó không nh n c t i n, Công ty không ph i ch u trách nhi m v kho n t i n Công ty chuy n cho c ông th h ng. Vi c thanh toán c t c i v i các c phi u niêm y t t i S giao d ch ch ng khoán có th c t i n hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm l u ký ch ng khoán Vi t Nam.

6. Các quy định về Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Hệ thống quy định thông qua nghị quyết xác định từ ngày có thể chốt danh sách cổ đông. Các quy định này, kể từ ngày có, những quy định về ký quỹ và các quy định khác của pháp luật, lãi suất, phân phối lợi nhuận, những quy định khác, những quy định khác.

7. Các quy định khác liên quan đến phân phối lợi nhuận sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NỢ TÀI CHÍNH VÀ HỒ SƠ KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Nợ tài chính

Nợ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày ưu tiên của tháng Mười hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Nợ tài chính ưu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 43. Kế toán

1. Kế toán Công ty sử dụng là Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam (hoặc quốc tế do chuyển đổi trong trường hợp các quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm ngôn ngữ tính toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật về những quy định của Ủy ban Kế toán Nhà nước và báo cáo phải kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ tài

chính, ph i n p báo cáo tài chính hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua cho c quan thu có th m quy n, U ban Ch ng khoán Nhà n c, S g i a o d ch ch ng khoán và c quan ng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính n m ph i bao g m báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình v l i và l c a Công ty trong n m tài chính, b ng cân i k toán ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình ho t ng c a Công ty tính n th i i m l p báo cáo, báo cáo l u chuy n t i n t và thuy t minh báo cáo tài chính.

3. Công ty ph i l p và công b các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c, S g i a o d ch ch ng khoán và n p cho c quan thu h u quan và c quan ng ký kinh doanh theo các quy nh c a Lu t Doanh nghi p

4. Các báo cáo tài chính c k i m toán (bao g m ý k i n c a k i m toán viên), báo cáo sáu tháng và quý c a công ty ph i c công b trên website c a Công ty.

5. Các t ch c, cá nhân quan tâm u c quy n k i m tra ho c sao ch p b n báo cáo tài chính n m c k i m toán, báo cáo sáu tháng và quý trong gi làm vi c c a Công ty, t i tr s chính c a Công ty và ph i tr m t m c phí h p lý cho vi c sao ch p.

i u 45. Báo cáo th ng niên

Công ty ph i l p và công b Báo cáo th ng niên theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

Ch ng XVI. K I M TOÁN CÔNG TY

i u 46. K i m toán

1. i h i ng c ông th ng niên ch nh m t công ty k i m toán c l p ho c thông qua danh sách các công ty k i m toán c l p (các Công ty k i m toán này ph i n m trong danh sách c c quan có th m ch p thu n k i m toán doanh nghi p niêm y t) và y quy n cho H i ng qu n tr quy t nh l a ch n m t trong s các n v này t i n hành các ho t ng k i m toán Công ty cho n m tài chính t i p theo d a trên nh ng i u kho n và i u k i n tho thu n v i H i ng qu n tr. Công ty ph i chu n b và g i báo cáo tài chính n m cho công ty k i m toán c l p sau khi k t thúc n m tài chính.

2. Công ty k i m toán c l p k i m tra, xác nh n và báo cáo v báo cáo tài chính n m ph n ánh các kho n thu chi c a Công ty, l p báo cáo k i m toán và trình báo cáo ó cho H i ng qu n tr trong vòng hai (02) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính.

3. B n sao c a báo cáo k i m toán c g i ính kèm báo cáo tài chính n m c a Công ty.

4. K i m toán viên th c hi n vi c k i m toán Công ty c phép tham d các cu c h p i h i ng c ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n i h i ng c ông mà các c ông c quy n nh n và c phát bi u ý k i n t i i h i v các v n có liên quan n k i m toán.

Ch ng XVII. CON D U

Đ i u 47. Con đ u

1. H i ng qu n tr quy t nh thông qua con đ u chính th c c a Công ty và con đ u c kh c theo quy nh c a lu t pháp.
2. H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành s đ ng và qu n lý con đ u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

Ch ng XVIII. CH M Đ T H O T NG VÀ THANH LÝ

Đ i u 48. Ch m đ t h o t ng

1. Công ty có th b gi i th ho c ch m đ t h o t ng trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. Khi k t thúc th i h n h o t ng c a Công ty, k c sau khi ã gia h n ;
 - b. Toà án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
 - c. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông;
 - d. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.
2. Vì c gi i th Công ty tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

Đ i u 49. Gia h n h o t ng

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông ít nh t b y (07) tháng tr c khi k t thúc th i h n h o t ng c ông có th bi u quy t v vì c gia h n h o t ng c a Công ty theo ngh c a H i ng qu n tr .
2. Th i h n h o t ng c gia h n khi có t 65% tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c t i p h o c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ng c ông thông qua.

Đ i u 50. Thanh lý

1. T i thi u sáu (06) tháng tr c khi k t thúc th i h n h o t ng c a Công ty ho c sau khi có m t quy t nh gi i th Công ty, H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t (01) thành viên do H i ng qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nh n viên Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u h o t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.
3. Ti n thu c t vì c thanh lý c thanh toán theo th t sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Tiền lương và chi phí bổ sung cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ (a) và (b) trên đây chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tài sản quy định và nghĩa vụ của các công đồng theo quy định nội bộ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định gì:

a. Công đồng viên Công ty;

b. Công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan có thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định vị trí giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào có thể yêu cầu Ban kiểm soát chọn một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể giải quyết hoà giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không giải quyết các bên chấp nhận, bất cứ bên nào có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 52. Bổ sung và sử dụng

1. Việc bổ sung, sửa đổi điều này phải được Hội đồng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác về những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. NGÀY HI LƯU C

Điều 53. Ngày hi lưu c

1. Bản hi lưu này gồm 21 chương 53 điều c i h i ng c ông Công ty c ph n u t và Xây d ng B u i n nh t trí thông qua ngày ... tháng ... n m ... t i H i tr ng công ty (Pháp Vân, Hoàng Li t, Hoàng Mai, Hà N i) và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này.

2. i u l c l p thành m i (10) b n, có giá tr nh nhau, trong ó:

a. M t (01) b n n p t i Phòng công ch ng Nhà n c c a a ph ng

b. N m (05) b n ng ký t i c quan chính quy n theo quy nh c a U ban nhân dân T nh, Thành ph ;

c. B n (04) b n l u gi t i Tr s chính c a Công ty.

3. i u l này là duy nh t và chính th c c a Công ty.

4. Các b n sao ho c trích l c i u l Công ty có giá tr khi có ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c t i thi u m t ph n hai (1/2) t ng s thành viên H i ng qu n tr .

NG I I DI N THEO PHÁP LU T - T NG GIÁM C